

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ2 Nñm h c : 2013-2014 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 132017301501 - Thị c»ng C u H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñI M THI	QUY TS : 70%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571010690	35CCĐ2	Nguy n Kh ãnh	Bình	08/12/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	3.8	2.7	4.8	
2	3571010767	35CCĐ1	Nguy n Minh	C nh	06/11/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	8.0	5.6	7.6	
3	3571010779	35CCĐ1	L² H ng	C ng	29/03/1992	7.0	7.0					7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	N HP
4	3571010741	35CCĐ1	L² ã c	C ng	27/07/1992	7.0	8.0					7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
5	3571010214	35CCĐ2	Phan Qu c	C ng	01/02/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	4.8	3.4	5.6	N HP
6	3571010021	35CCĐ2	Nguy n ã nh	Chánh	10/05/1993	9.0	6.0					7.5	2.3	5.8	4.1	6.3	
7	3571010257	35CCĐ1	Ph ãng Th Kim	Chi	17/09/1993	8.0	7.0					7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	N HP
8	3571010650	35CCĐ1	Nguy n V ãnh	Chi n	25/01/1991	7.0	6.0					6.5	2.0	3.3	2.3	4.3	N HP
9	3571010001	35CCĐ2	Nguy n Th ãnh	Duy	10/09/1993	5.0	8.0					6.5	2.0	0.0	0.0	2.0	
10	3571010654	35CCĐ1	L² Vi t	D ãng	17/07/1992	7.0	8.0					7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
11	3571010213	35CCĐ2	Nguy n Tr ng	D ng	09/05/1992	6.0	7.0					6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
12	3571011174	35CCĐ1	V H ã c	ñ o	19/06/1993	8.0	7.0					7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
13	3571010687	35CCĐ2	L² T n	ñ t	03/03/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
14	3571010587	35CCĐ2	Ph ãng V ãnh	ñ t	19/09/1993	0.0	2.0					1.0	0.3	1.8	1.3	1.6	N HP
15	3571010228	35CCĐ2	Ng» Ti n	ñ i p	26/03/1993	0.0	3.0					1.5	0.5	2.5	1.8	2.2	
16	3571010221	35CCĐ2	Ph m Xuª n	ñ »ng	06/01/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	
17	3571010088	35CCĐ1	Nguy n V ãnh	ñ c	02/09/1991	8.0	8.0					8.0	2.4	4.8	3.4	5.8	
18	3571010238	35CCĐ2	Ph m V ãnh	ñ c	24/01/1992	6.0	7.0					6.5	2.0	6.5	4.6	6.5	
19	3571010783	35CCĐ1	Ph m Vi t	ñ c	24/08/1993	7.0	6.0					6.5	2.0	5.5	3.9	5.8	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ2 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017301501 - Thi c ấ ng C u H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571010251	35CCĐ1	Nguy n Huy H i	28/07/1993	0.0	3.0					1.5	0.5	1.5	1.1	1.5	N HP
21	3571010010	35CCĐ2	Nguy n Thanh H i	23/03/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	N HP
22	3571010042	35CCĐ2	D ấ ng Minh H o	19/02/1992	0.0	3.0					1.5	0.5	0.0	0.0	0.5	N HP
23	3571010775	35CCĐ1	ấ ng Ph ấ	H nh 09/12/1992	8.0	8.0					8.0	2.4	9.0	6.3	8.7	
24	3571010748	35CCĐ1	ấ ấ Ph ấ	H i p 11/03/1993	6.0	5.0					5.5	1.7	4.5	3.2	4.8	N HP
25	3571010682	35CCĐ2	ấ o ấ H u	H i p 18/07/1993	6.0	6.0					6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	N HP
26	3571010025	35CCĐ2	L ² Kh c	Ho ấ ng 04/12/1993	7.0	6.0					6.5	2.0	6.3	4.4	6.4	N HP
27	3571010769	35CCĐ1	Nguy n V ấ	Ho ấ ng 06/11/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	N HP
28	3571010644	35CCĐ1	V ấ O	Ho ấ ng 20/09/1993	8.0	7.0					7.5	2.3	7.3	5.1	7.4	
29	3571010016	35CCĐ2	Nguy n Tu n	Huy 04/01/1992	6.0	6.0					6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
30	3571010019	35CCĐ2	Nguy n M nh	H ầ ng 24/04/1993	6.0	6.0					6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	
31	3571010773	35CCĐ1	Nguy n Ph c	H ầ ng 29/12/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	N HP
32	3571011817	35CCĐ2	Nguy n Ti n	H ầ ng 01/01/1993	7.0	6.0					6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	N HP
33	3571010031	35CCĐ2	Nguy n Thanh	H ầ ng 07/06/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
34	3571010651	35CCĐ1	Nguy n	H ng 25/05/1993	5.0	8.0					6.5	2.0	7.8	5.5	7.4	
35	3571010788	35CCĐ1	Nguy n H u	H ng 29/06/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
36	3571010680	35CCĐ2	D Thanh	Kha 20/01/1993	7.0	6.0					6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	
37	3571010656	35CCĐ1	Nguy n Ho ấ ng V ấ O	Kha 31/08/1993	8.0	5.0					6.5	2.0	5.5	3.9	5.8	N HP
38	3571010750	35CCĐ1	Tr n H Tr ng	Kha 01/10/1993	7.0	6.0					6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ2 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017301501 - Thi c ấ ng C u H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3571010218	35CCĐ2	Tr n Anh	Khoa	09/08/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	3.5	2.5	4.9	
40	3571010252	35CCĐ1	Nguy n Ng c	Kh ng	09/01/1992	6.0	7.0					6.5	2.0	5.5	3.9	5.8	
41	3571010219	35CCĐ2	Nguy n H u T ng	Lâm	15/06/1993	5.0	3.0					4.0	1.2	2.8	2.0	3.2	
42	3571010220	35CCĐ2	Lê Xuân	Long	02/09/1991	6.0	5.0					5.5	1.7	4.3	3.0	4.7	
43	3571010762	35CCĐ1	Ph m T n	L c	28/06/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	N HP
44	3571010754	35CCĐ1	Lê Hoài	Nam	07/04/1993	5.0	7.0					6.0	1.8	9.0	6.3	8.1	
45	3571010224	35CCĐ2	Nguy n Tr ấ	Nam	12/06/1993	0.0	3.0					1.5	0.5	0.0	0.0	0.5	N HP
46	3571010020	35CCĐ2	Tr n Nguy n	Ngh ấ	20/04/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	3.8	2.7	4.9	
47	3571010751	35CCĐ1	Lê Xuân	Nguyễn	12/11/1993	0.0	2.0					1.0	0.3	5.5	3.9	4.2	N HP
48	3571010209	35CCĐ2	Phan T	Nhàn	24/02/1993	0.0	3.0					1.5	0.5	0.0	0.0	0.5	N HP
49	3571010645	35CCĐ1	Nguy n Ng c	Nh t	21/09/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
50	3571010647	35CCĐ1	Tr n Trung	Nh t	20/10/1993	8.0	7.0					7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	N HP
51	3571010111	35CCĐ2	Tr n L	Phát	10/03/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
52	3571010044	35CCĐ2	Phan Th	Phong	18/04/1993	2.0	8.0					5.0	1.5	3.3	2.3	3.8	N HP
53	3571010003	35CCĐ2	Nguy n V ấ	Ph n	10/04/1993	7.0	3.0					5.0	1.5	1.0	0.7	2.2	N HP
54	3571010668	35CCĐ1	H Qu c	Ph ng	20/09/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
55	3571010230	35CCĐ2	L 2 T n	Ph ng	17/10/1992	7.0	6.0					6.5	2.0	2.8	2.0	3.9	
56	3571010217	35CCĐ2	Nguy n V ấ	Ph ng	19/01/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	5.8	4.1	6.3	
57	3571010785	35CCĐ1	Nguy n Ng c	Quân	14/04/1993	6.0	5.0					5.5	1.7	7.0	4.9	6.6	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ2 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017301501 - Thi c ấ ng C u H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3571010643	35CCĐ1	Nguy n H ng S n	02/10/1993	6.0	6.0					6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	N HP
59	3571010222	35CCĐ2	L ² T t S ng	12/05/1993	0.0	3.0					1.5	0.5	0.0	0.0	0.5	N HP
60	3571010758	35CCĐ1	Nguy n T n Tài	01/09/1993	5.0	7.0					6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
61	3371010411	35CCĐ1	Nguy n Vi t Tài	29/10/1990	5.0	6.0					5.5	1.7	7.5	5.3	6.9	N HP
62	3571010793	35CCĐ1	D ng Th ấ nh Tâm	18/11/1993	8.0	7.0					7.5	2.3	8.0	5.6	7.9	
63	3571010738	35CCĐ1	Ph m Minh Tân	27/07/1993	9.0	6.0					7.5	2.3	8.5	6.0	8.2	
64	3571010234	35CCĐ2	Tr n Quang Tân	07/12/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	5.3	3.7	5.8	
65	3571010657	35CCĐ1	Tr n V ấ n Tân	08/08/1993	6.0	6.0					6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
66	3571010225	35CCĐ2	Ngô Minh T n	21/10/1993	7.0	5.0					6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
67	3571010610	35CCĐ2	Nguy n Ng c Tu n	11/11/1993	9.0	6.0					7.5	2.3	5.5	3.9	6.1	
68	3571010275	35CCĐ2	Phan V ấ n Tu	24/04/1993	5.0	5.0					5.0	1.5	1.0	0.7	2.2	N HP
69	3571010255	35CCĐ1	Tr n Thanh Tùng	11/01/1993	5.0	5.0					5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
70	3571010766	35CCĐ1	Ki u Thi t T ng	14/10/1993	6.0	6.0					6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	N HP
71	3571010781	35CCĐ1	ấ Ti n Thành	16/04/1992	6.0	7.0					6.5	2.0	5.3	3.7	5.7	N HP
72	3571011158	35CCĐ1	Lê Xuân Thành	30/04/1992	8.0	7.0					7.5	2.3	7.5	5.3	7.5	
73	3571010789	35CCĐ1	Tr n M nh Th ng	08/12/1992	0.0	2.0					1.0	0.3	7.0	4.9	5.2	N HP
74	3571010239	35CCĐ2	V ấ Chi n Th ng	01/08/1993	7.0	6.0					6.5	2.0	1.8	1.3	3.2	N HP
75	3571010254	35CCĐ1	Tr n Ho ấ ng Thi n	01/12/1992	7.0	6.0					6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	N HP
76	3571010212	35CCĐ2	Tr n C ấ ng Thích	03/08/1993	7.0	6.0					6.5	2.0	1.0	0.7	2.7	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ¹ a h c : L p h c : 35CCĐ2 N ầ h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ầ T : H c ph n : 132017301501 - Thi c ầ ng C u H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3571010237	35CCĐ2	Ph m T n	Th nh	20/10/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	7.5	5.3	7.5	
78	3571010215	35CCĐ2	Tr n ầ c	Th i	20/01/1992	8.0	7.0					7.5	2.3	7.3	5.1	7.4	
79	3571010233	35CCĐ2	Nguy n Th ầ ng	Thu n	01/06/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	8.3	5.8	8.2	
80	3571010660	35CCĐ1	Bùi Thanh	V ầ	15/01/1993	6.0	6.0					6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
81	3571010229	35CCĐ2	Nguy n Ph ¾c L ² m	Viên	31/01/1993	6.0	4.0					5.0	1.5	1.0	0.7	2.2	
82	3571010757	35CCĐ1	ầ Thanh	Vi t	20/01/1992	5.0	5.0					5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	N HP
83	3571010211	35CCĐ2	L² Ng c	V ầ	18/11/1993	3.0	7.0					5.0	1.5	0.5	0.4	1.9	
84	3571010659	35CCĐ1	Lê Minh	V ng	10/04/1992	7.0	6.0					6.5	2.0	2.0	1.4	3.4	
85	3571010746	35CCĐ1	L² Ng c	V ng	20/12/1993	8.0	7.0					7.5	2.3	8.8	6.2	8.4	
86	3571010235	35CCĐ2	Tr ng Minh	V ng	02/12/1993	8.0	5.0					6.5	2.0	5.5	3.9	5.8	
87	3571010133	35CCĐ2	Ph m Th	Y n	04/10/1993	9.0	7.0					8.0	2.4	8.8	6.2	8.6	

T ng s : 87 h c sinh sinh vi² n
Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi ầ o Vi² n B M ầ n Gi ầ o V Khoa